TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2026/HS-ST
Ngày: 31/3/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Nhân.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* ông Nguyễn Kim Đình; ông Hồ Xuân Ngân.

- *Thư ký phiên tòa:* bà Lê Thị Nguyệt Sương, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 tham gia phiên tòa:* ông Trần Công Hà – Kiểm sát viên.

Hôm nay vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 31 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2026/TLST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2026 theo định đưa vụ án ra xét xử số 20/2026/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2026 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Như Ý, tên gọi khác: không, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2001, tại xã T, thành phố Đà Nẵng; CCCD số 049301001246; nơi cư trú: thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Nguyễn Như H, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1976; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: ngày 21/4/2025, bị Công an xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (cũ) xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma tuý" bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng, bị cáo chưa chấp hành nộp phạt. Bị cáo bị tạm giữ ngày 26/12/2025, chuyển tạm giam ngày 01/01/2026 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2/ Tăng Quang D, tên gọi khác: không; sinh ngày 12 tháng 6 năm 2001, tại xã T, thành phố Đà Nẵng; CCCD số 049201009725; nơi cư trú: thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: lái xe; con ông Tăng Tiến D1, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm 1980; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 27/8/2025, chuyển tạm giam ngày 05/9/2025 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3/ Ngô Gia H1, tên gọi khác: không; sinh ngày 02 tháng 5 năm 2002, tại xã T, thành phố Đà Nẵng; CCCD số 049202005339; nơi cư trú: thôn H, xã T, thành phố Đà Nẵng; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: lao động phổ thông; con ông Ngô Văn K, sinh năm 1971 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1975; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo

bị tạm giữ ngày 27/8/2025, chuyển tạm giam ngày 05/9/2025 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Lương Văn C, sinh năm 2001; địa chỉ tại thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng.

2/ Ông Phạm Văn T, sinh năm 1995; địa chỉ tại thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng.

3/ Ông Phan Minh T1, sinh năm 2004; địa chỉ tại thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng.

4/ Ông Nguyễn Minh D2, sinh năm 2001; địa chỉ tại thôn H, xã T, thành phố Đà Nẵng.

5/ Ông Nguyễn Minh H2, sinh năm 1972; địa chỉ tại thôn H, xã T, thành phố Đà Nẵng.

6/ Ông Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 2001; địa chỉ tại thôn M, xã T, thành phố Đà Nẵng.

7/ Ông Nguyễn Đăng T3, sinh năm 2003; địa chỉ tại thôn H, xã T, thành phố Đà Nẵng.

8/ Bà Trần Thị K1, sinh năm 2003; địa chỉ tại thôn P, xã T, thành phố Đà Nẵng.

9/ Ông Tăng Tiến L1, sinh năm 1996; địa chỉ tại thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Tăng Quang D: ông Trương Công S1, sinh năm 1982, thuộc Công ty L3; địa chỉ tại số A T, phường C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 26/8/2025, Tăng Quang D dùng điện thoại SamSung Galaxy A50 vào Facebook "Duy Tăng" nhắn tin đến Facebook "Ý Nguyễn" cho Nguyễn Như Ý "mi có biết chỗ mô lấy không" Ý trả lời "có đây", D nhắn tin "để cho cái ba" Ý đồng ý, nhắn tin số tài khoản qua cho D chuyển tiền. D sử dụng số tài khoản 0392877718 ngân hàng OCB của D chuyển 300.000 đồng cho Ý qua số tài khoản 0348171640 ngân hàng V Nguyễn Đăng T3. Sau khi D chuyển tiền mua ma túy, Ý gọi điện qua Facebook cho người đàn ông tên P (chưa xác định nhân thân lai lịch) hỏi mua 1.500.000 đồng ma túy thì P hẹn đến khu vực cầu R. Ý mượn xe mô tô tại công trình đường Đ, phường H, TP . nơi Ý làm thợ sơn nước chạy xe đến cầu R. Ý đưa 1.500.000 đồng cho P và nhận 01 hộp có 02 gói ma túy bên trong. Sau khi mua được ma túy, Ý nhắn tin cho D hẹn gặp tại cầu R. D đi đến

nhà anh Nguyễn Ngọc T2 mượn xe, khi đến nơi không có ai ở nhà, xe mô tô BKS: 92E1- 563.22 có sẵn chìa khoá, D lấy đi được đoạn, xe bị hư côn chạy chậm, D điện thoại Nguyễn Minh D2 để mượn xe, D2 đồng ý, nói xe mô tô BKS 92E1-530.26 để tại cây xăng T6 thuộc thôn T, xã T. D điều khiển xe đến nhà rủ Phan Minh T1 cùng D đi đến cây xăng để đổi xe và ra thành phố Đà Nẵng chơi thì T1 đồng ý. T1 điều khiển xe chở D đến cây xăng T6 đổi xe, điều khiển xe BKS 92E1-530.26 chở D đi thành phố Đà Nẵng. Khi đến khu vực cầu R, D gọi điện cho Ý, vào quán cà phê tại số E đường Đ, phường A, thành phố Đà Nẵng uống nước. Tại quán cà phê, T1 ngồi chơi điện thoại, Ý đưa D 01 hộp bên trong có 02 gói ma túy vừa mua của P nói "để lại luôn cho mi ưng làm gì làm, tiền đưa sau cũng được". D cầm bỏ vào túi quần đứng lên điều khiển xe chở T1 đi về xã T. Sau khi bán ma túy cho D, sợ D không có tiền trả nên Ý lại nhắn tin qua Facebook “Phạm Văn T4” của Phạm Văn T hỏi có mua ma túy không thì T nói có nhưng không có tiền mua. Ý nói có D mang về đưa sử dụng trước, còn giá tiền trả sau, nghe vậy T đồng ý. Sau khi T đồng ý mua ma túy, Ý nhắn tin cho D nói đưa hết gói ma túy D mua nợ cho T nhưng D không đồng ý, Ý nhắn tin lại nói phân ra 01 gam ma túy đưa cho T với số tiền 1.200.000 đồng thì D đồng ý. Khi về đến nhà, D nhắn tin đến tài khoản Facebook "Gia Hưng” của Ngô Gia H1 nói "ta có đồ về ai lấy nhận dùm ta nghe". Sau đó, D tiếp tục nhắn tin "có ai lấy nói nha H1”. Đến 14 giờ cùng ngày, Lương Văn C sử dụng Facebook tên “Trần K1” nhắn tin cho H1 có ma túy không để Cảm 500.000 đồng. H1 nhắn tin lại cho D "xuống đưa cho thằng Cảm nhanh mi", D đồng ý. H1 gọi điện lại C nói đến quán cà phê S2 thôn H, xã T lấy ma túy.

Sau khi H1 nhắn tin cho D đến quán bán ma túy cho C thì D điều khiển xe mô tô BKS 92E1-530.26 đến quán C2 để bán ma túy. Tại đây, D lấy gói ma tuý lớn ra phân thành 02 gói với mục đích 01 gói để bán cho C với giá 500.000 đồng, 01 gói bán cho T với giá 1.200.000 đồng. Khi C vừa đến quán gặp D và H1 để mua ma túy thì bị Tổ công tác Công an xã T kiểm tra, bắt quả tang D đang cầm trên tay 03 gói ma túy và tạm giữ các tang vật có liên quan.

Tại Kết luận giám định số 853/KL-KTHS ngày 08/9/2025 của Phòng K2 Công an thành phố Đ kết luận: “Tinh thể rắn màu trắng trong các gói niêm phong ký hiệu M1, M2, M3 gửi giám định đều là ma tuý, loại Methamphetamine, khối lượng mẫu M1 là 0,394gam, khối lượng mẫu M2 là 0,609gam, khối lượng mẫu M3 là 0,198gam".

Về tang vật, vật chứng thu giữ:

- 01 (Một) bì thư niêm phong đựng bao gói mẫu hoàn trả ký hiệu M1 có đóng dấu Phòng K2, chữ ký của Giám định viên, Điều tra viên, bên trong có 01 gói ni lông chứa 0,201 gam mẫu ký hiệu M1 và bao gói mẫu.

- 01 (Một) bì thư niêm phong đựng bao gói mẫu hoàn trả ký hiệu M2 có đóng dấu Phòng K2, chữ ký của Giám định viên, Điều tra viên, bên trong có 01 gói ni lông chứa 0,390 gam mẫu ký hiệu M2 và bao gói mẫu.

- 01 (Một) bì thư niêm phong đựng bao gói mẫu hoàn trả ký hiệu M3 có đóng dấu Phòng K2, chữ ký của Giám định viên, Điều tra viên, bên trong có 01 gói ni lông chứa 0,059 gam mẫu ký hiệu M3 và bao gói mẫu.

- 05 gói ni lông trong suốt.

- 01 điện thoại di động SamSung GalaxyA50, màu xanh, số IMEI 1: 356646104725155, số IMEI 2: 356647104725125 bên trong có gắn sim số: 0392877718;

- 01 điện thoại di động Xiaomi hyperos poco, màu xanh, số IMEI 1: 867655064144341, số IMEI 2: 867655064144358 bên trong có gắn sim số 0385467152;

- 01 điện thoại di động SamSungGalaxyJ6, số IMEI1: 354402100582154, số IMEI 2: 354403100582152 bên trong có sim số 0906890867.

- 01 điện thoại di động IPHONE 6S, số IMEI 1: 359487083172359, số IMEI 2:35948708317235 bên trong có gắn sim số 0337546054.

- Tiền ngân hàng N1 1.030.000 đồng, trong đó: 230.000 đồng thu giữ của Tăng Quang D, 500.000 đồng thu giữ của Lương Văn C 300.000 đồng thu giữ của Nguyễn Như Ý đã được nộp vào tài khoản tạm giữ của Công an thành phố Đ.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Raider, màu đỏ - đen, BKS 92E1-530.26 đã được Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ xử lý vật chứng trả cho chủ sở hữu.

- 01 USB nhãn hiệu Kingston được lưu cùng hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như diễn biến của vụ án.

Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Lời khai của những người liên quan không có gì mâu thuẫn với lời khai của các bị cáo.

Tại Cáo trạng số 30/CT- VKSKV11 – HS ngày 10/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân (Sau đây viết tắt là VKSND) khu vực 11 truy tố bị cáo Nguyễn Như Ý, Tăng Quang D về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sau đây viết tắt là BLHS năm 2015); bị cáo Ngô Gia H1 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của BLHS năm 2015.

Tại phiên toà, đại diện VKSND khu vực 11 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251 của BLHS năm 2015 đối với Nguyễn Như Ý và Tăng Quang D; áp dụng khoản 1 Điều 251 của BLHS năm 2015 đối với Ngô Gia H1; áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của BLHS năm 2015 đối với cả 3 bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Như Ý từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù; xử phạt bị cáo Tăng Quang D từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Ngô Gia H1 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX quyết định xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và các vấn đề khác trong vụ án.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Như Ý, Ngô Gia H1 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng

nặng, giảm nhẹ và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát vừa đề nghị đối với các bị cáo và không có ý kiến, tranh luận gì khác.

Người bào chữa cho bị cáo Tăng Quang D thống nhất cáo trạng truy tố và luận tội của Kiểm sát viên (Sau đây viết tắt là KSV) về hành vi phạm tội của bị cáo; điểm, khoản; tội danh; điều luật; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà KSV đề nghị áp dụng đối với bị cáo; đồng thời phân tích thêm nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; bị cáo hợp tác tích cực với CQĐT nhằm phát hiện tội phạm, hoàn cảnh của bị cáo. Do đó, đề nghị áp dụng điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của BLHS năm 2015 để xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo D.

Bị cáo Tăng Quang D thống nhất với lời bào chữa của Người bào chữa và không có ý kiến, tranh luận.

Đại diện VKSND khu vực 11 không thống nhất với đề nghị của người bào chữa và giữ nguyên quan điểm luận tội.

Lời nói sau cùng của các bị cáo đã nhận thức và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đề nghị HĐXX xem xét hoàn cảnh bản thân và gia đình giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra (Sau đây viết tắt là CQĐT), Điều tra viên, VKSND khu vực 11, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (Sau đây viết tắt là BLTTHS). Các bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được tiến hành hợp pháp.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, việc vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. HĐXX căn cứ vào Điều 292 và Điều 297 BLTTHS năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về tội danh: lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản phạm tội quả tang, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 26/8/2025, Nguyễn Như Ý bán 02 gói ma túy có trong đó 01 gói 300.000 đồng, 01 gói bán nợ có tổng khối lượng 1,201 gam cho Tăng Quang D sử dụng và bán lại cho người khác. Sau khi D về, Ý sợ D không có tiền trả nên nhắn tin cho D nói D đưa lại 01 gam cho Phạm Quang T5 với số tiền 1.200.000 đồng thì D đồng ý. Sau khi mua được ma túy của Ý, D nhắn tin nhờ Ngô Gia H1 để bán 01 gói ma túy cho Lương Văn C giá 500.000 đồng. Khi D đi đến quán C2 phân 01 gói ma túy ra thành 02 gói trong đó 01 gói (ký hiệu M1 khối

lượng 0,394gam) để bán cho Lương Văn C1 và 01 gói (ký hiệu M2 khối lượng 0,609gam) để bán cho Phạm Văn T. Trong lúc chuẩn bị bán ma tuý cho C thì D và H1 bị Công an xã T bắt quả tang. HĐXX xét thấy: hành vi của Ý bán 2 lần ma túy (01 lần bán cho D, 01 lần bán cho T), hành vi của D bán 2 lần ma túy (01 lần bán cho C và 01 lần giúp sức cho Ý bán ma túy cho T), hành vi của Ngô Gia H1 đã giúp sức cho Tăng Quang D để bán 01 gói ma túy cho Lương Văn C nên có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Nguyễn Như Ý, Tăng Quang D về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của BLHS năm 2015; bị cáo Ngô Gia H1 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của BLHS năm 2015 như Cáo trạng của VKSND khu vực 11 truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như đã nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo biết rõ ma túy có tác hại khó lường, rất nguy hiểm, không chỉ hủy hoại sức khỏe của người sử dụng mà còn ảnh hưởng xấu đến gia đình và cộng đồng, là nguồn gốc phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương và khó khăn trong việc phòng chống tội phạm. Nhưng vì muốn hưởng lợi, có tiền tiêu xài, các bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt các bị cáo nghiêm khắc bằng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi môi trường xã hội một thời gian nhất định, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội do các bị cáo gây ra mới có tác dụng cải tạo giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm, thì mới có thể cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

[4.1] Về nhân thân: bị cáo Tăng Quang D và bị cáo Ngô Gia H1 có nhân thân tốt. Bị cáo Nguyễn Như Ý có 1 tiền sự: bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành chính về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy", bị cáo chưa chấp hành nộp phạt.

[4.2] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Như Ý đã đến Công an đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo Tăng Quang D và Ngô Gia H1 có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự và hoàn cảnh gia đình có khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên các bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS 2015.

[5] Về hình phạt: sau khi xem xét nhân thân, tính chất mức độ thực hiện hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

của các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Nguyễn Như Ý giữ vai trò là người chính yếu: trực tiếp bán ma túy cho D và sau khi bán ma túy cho D, sợ D không có tiền trả nên đề nghị D phân ma túy ra rồi giao cho Phạm Văn T. Tăng Quang D đồng phạm với Ý về hành vi bán trái phép chất ma túy cho Phạm Văn T với vai trò là người giúp sức tích cực và trực tiếp bán ma túy cho Lương Văn C. Do vậy bị cáo Ý phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo D. Bị cáo Ngô Gia H1 đồng phạm với bị cáo D về hành vi bán trái phép chất ma túy cho Lương Văn C với vai trò là người giúp sức tích cực.

[5.1] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017) HĐXX xét thấy, các bị cáo Ý, D và H1 không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập bấp bênh, nên không có điều kiện để thi hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] Đối với 01 (Một) bì thư niêm phong đựng bao gói mẫu hoàn trả ký hiệu M1 có đóng dấu Phòng K2, chữ ký của Giám định viên, Điều tra viên, bên trong có 01 gói ni lông chứa 0,201 gam mẫu ký hiệu M1 và bao gói mẫu; 01 (Một) bì thư niêm phong đựng bao gói mẫu hoàn trả ký hiệu M2 có đóng dấu Phòng K2, chữ ký của Giám định viên, Điều tra viên, bên trong có 01 gói ni lông chứa 0,390 gam mẫu ký hiệu M2 và bao gói mẫu; 01 (Một) bì thư niêm phong đựng bao gói mẫu hoàn trả ký hiệu M3 có đóng dấu Phòng K2, chữ ký của Giám định viên, Điều tra viên, bên trong có 01 gói ni lông chứa 0,059 gam mẫu ký hiệu M3 và bao gói mẫu; 05 gói ni lông trong suốt: là vật cấm lưu hành và không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6.2] Đối với: 01 điện thoại di động SamSung GalaxyA50, màu xanh, số IMEI 1: 356646104725155, số IMEI 2: 356647104725125; 01 điện thoại di động Xiaomi hyperos poco, màu xanh, số IMEI 1: 867655064144341, số IMEI 2: 867655064144358: là phương tiện, công cụ các bị cáo dùng để liên lạc mua bán ma túy nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[6.3] Đối với 01 điện thoại di động SamSungGalaxyJ6, số IMEI1:354402100582154, số IMEI 2: 354403100582152 bên trong có sim số 0906890867 là của ông Tăng Tấn L2. Ông L2 không biết C mượn điện thoại này để liên lạc mua ma túy nên trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là hợp lý.

[6.4] Đối với 01 điện thoại di động IPHONE 6S, số IMEI 1: 359487083172359, số IMEI 2: 35948708317235 có gắn sim số 0337546054 của Phạm Văn T: hành vi của Phạm Văn T chưa cấu thành tội phạm nên trả lại cho T là hợp lý.

[6.5] Đối với các sim số 0392877718 và 0385467152: không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6.6] Đối với số tiền 230.000 đồng thu giữ của Tăng Quang D không phải là tiền phạm tội mà có nên trả lại cho D; đối với số tiền 500.000 đồng thu giữ của Lương Văn C là tiền dùng để mua ma túy và 300.000 đồng thu giữ của Nguyễn

Như Ý là tiền có được từ việc bán ma túy cho D nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[6.6] Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ: 01 USB Kingdom.

[7] Những vấn đề liên quan đến vụ án:

[7.1] Đối với người đàn ông tên P (theo lời khai của Ý) đã bán 02 gói ma túy cho Ý với số tiền: 1.500.000 đồng, trong quá trình điều tra không xác định nhân thân lai lịch nên không có cơ sở để xử lý. Đối với Nguyễn Đăng T3, quá trình điều tra xác định, Ý và T3 có mối quan hệ bạn bè, do không có tài khoản ngân hàng nên Ý nhờ T3 nhận giúp tiền chuyển khoản từ người khác. T3 không biết việc Ý nhờ chuyển khoản số tiền 300.000 đồng liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma tuý, qua điều tra T3 không có mặt tại địa phương, nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ không có căn cứ xử lý T3 và VKSND khu vực 11 không đề nghị nên không xem xét.

[7.2] Đối với Phan Minh T1, quá trình điều tra xác định, T1 không biết việc D nhờ điều khiển xe mô tô chở D ra thành phố Đà Nẵng gặp Ý để mua ma tuý. Quá trình Ý và D mua bán trái phép chất ma tuý, T1 không biết nên không xem xét trách nhiệm.

[7.3] Đối với xe mô tô BKS 92E1-563.22, quá trình điều tra xác định, xe mô tô trên do anh Nguyễn Ngọc T2 là chủ sở hữu, anh T2 không biết việc D sử dụng xe vào việc phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ không tạm giữ xe mô tô và không đề cập xử lý đối với anh T2 là phù hợp.

[7.4] Đối với xe mô tô BKS 92E1-530.26, quá trình điều tra xác định, xe mô tô trên do ông Nguyễn Minh H2 là chủ sở hữu và Nguyễn Minh D2 cho bị cáo D mượn xe. Việc D sử dụng xe để mua bán trái phép chất ma tuý thì ông H2 và D2 không biết, do đó, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ trả lại xe mô tô cho chủ sở hữu và không đề cập xử lý đối với ông H2 và D2 là phù hợp.

[7.5] Đối với hành vi "Sử dụng trái phép chất ma tuý" của Phan Minh T1, Lương Văn C và Phạm Văn T, quá trình điều tra xác định T1, C và T sử dụng ma tuý một mình và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 256a Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) nên Công an xã T, thành phố Đà Nẵng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng là phù hợp.

[7.6] Đối với hành vi "Sử dụng trái phép chất ma tuý" của Tăng Quang D và Ngô Gia H1, quá trình điều tra xác định, D và H1 sử dụng ma tuý một mình và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 256a Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ chuyển hồ sơ đến Phòng Cảnh sát ma tuý Công an thành phố Đ đề nghị xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

[7.7] Đối với hành vi "Điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh trên 125 cm3 trở lên không có giấy phép lái xe" và "Điều khiển xe trên đường mà trong cơ thể có chất ma túy" của Tăng Quang D và Phan Minh T1, Cơ quan CSĐT

Công an thành phố Đ đã chuyển hồ sơ đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Đ đề nghị xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

[7.8] Đối với điện thoại điện thoại S3 sử dụng làm phương tiện mua bán ma túy, Ý đã rơi mất không xác định được vị trí nên Cơ quan CSĐT không thu giữ được và VKS không đề nghị xử lý nên HĐXX không xem xét.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[11] Xét quan điểm đề nghị của đại diện VKSND khu vực 11 về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt, xử lý vật chứng và các vấn đề khác của vụ án là có cơ sở và hợp lý nên HĐXX chấp nhận.

[12] Xét đề nghị của Người bào chữa cho bị cáo Tăng Quang D: hành vi phạm tội của bị cáo D đã được làm rõ trong quán trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa; đề nghị của đại diện VKSND khu vực 11 đã xem xét toàn diện hành vi và nhân thân của bị cáo. Do đó, không chấp nhận đề nghị của người bào chữa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Như Ý và Tăng Quang D; khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Ngô Gia H1; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Ý, D, H1; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Như Ý, Tăng Quang D, Ngô Gia H1 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Như Ý 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, tính từ ngày tạm giữ 26/12/2025.

Xử phạt bị cáo Tăng Quang D 07 (B) năm tù, tính từ ngày tạm giữ 27/8/2025.

Xử phạt bị cáo Ngô Gia H1 03 (Ba) năm tù, tính từ ngày tạm giữ 27/8/2025.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) bì thư niêm phong đựng bao gói mẫu hoàn trả ký hiệu M1 có đóng dấu Phòng K2, chữ ký của Giám định viên, Điều tra viên, bên trong có 01 gói ni lông chứa 0,201 gam mẫu ký hiệu M1 và bao gói mẫu; 01 (Một) bì thư niêm phong đựng bao gói mẫu hoàn trả ký hiệu M2 có đóng dấu Phòng K2, chữ ký của Giám định viên, Điều tra viên, bên trong có 01 gói ni lông chứa 0,390 gam mẫu ký hiệu M2 và bao gói mẫu; 01 (Một) bì thư niêm phong đựng bao gói

mẫu hoàn trả ký hiệu M3 có đóng dấu Phòng K2, chữ ký của Giám định viên, Điều tra viên, bên trong có 01 gói ni lông chứa 0,059 gam mẫu ký hiệu M3 và bao gói mẫu; 05 gói ni lông trong suốt; các sim số 0392877718, 0385467152.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động SamSung GalaxyA50, màu xanh, số IMEI 1: 356646104725155, số IMEI 2: 356647104725125; 01 điện thoại di động Xiaomi hyperos poco, màu xanh, số IMEI 1: 867655064144341, số IMEI 2: 867655064144358.

- Trả lại cho ông Tăng Tấn L2: 01 điện thoại di động SamSungGalaxyJ6, số IMEI1:354402100582154, số IMEI 2: 354403100582152 bên trong có sim số 0906890867.

- Trả lại cho ông Phạm Văn T: 01 điện thoại di động IPHONE 6S, số IMEI 1: 359487083172359, số IMEI 2:35948708317235 bên trong có sim số 0337546054.

(Vật chứng trên hiện Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Đà Nẵng quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/3/2026)

- Trả lại cho Tăng Quang D số tiền 230.000 (Hai trăm ba mươi nghìn) đồng; tuy nhiên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 500.000 (Năm tram nghìn) đồng thu giữ của Lương Văn C, số tiền 300.000 (Ba tram nghìn) đồng thu giữ của Nguyễn Như Ý.

(Số tiền này hiện đang tạm giữ tại tài khoản số 3949.0.9128710.00000 Phòng PC04 – Công an Thành phố Đ (Giấy nộp tiền ngày 06/01/2026)

- Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 01 USB Kingdom do bà Trần Thị Thanh H3 giao nộp.

3. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Như Ý, Tăng Quang D, Ngô Gia H1 mỗi người phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng HSNV CA.TP Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 11 - Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhân